

Số: **01** /2021/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 09 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ phục vụ công tác
bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày
25 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc
Hội về ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các
cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các
cấp, nhiệm kỳ 2021-2026;*

*Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Lào Cai đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy
định nội dung, mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa
XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn
tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-BPC ngày 06 tháng 4 năm 2021 của
Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XV, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 09 tháng 4 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT. TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP. TU, UBND, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo, Đài PTTH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung, mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử
đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Lào Cai**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01 /2021/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định nội dung, mức chi, thời gian được hưởng kinh phí hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026 tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Nội dung, mức chi hỗ trợ

1. Chi xây dựng kế hoạch, báo cáo, văn bản hướng dẫn công tác bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả soạn thảo, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện):
 - a) Cấp tỉnh: Chi xây dựng kế hoạch triển khai, hướng dẫn, hiệp thương cơ cấu thành phần, số lượng đại biểu; báo cáo kiểm tra, giám sát; báo cáo kết quả bầu cử: 1.000.000 đồng/văn bản;
 - b) Cấp huyện: Chi xây dựng kế hoạch triển khai; báo cáo hiệp thương; báo cáo kiểm tra, giám sát; báo cáo kết quả bầu cử: 700.000 đồng/văn bản;
 - c) Cấp xã: Chi xây dựng kế hoạch triển khai; báo cáo hiệp thương; báo cáo kiểm tra, giám sát; báo cáo kết quả bầu cử: 500.000 đồng/văn bản.
2. Chi bồi dưỡng công tác kiểm tra, giám sát bầu cử (ngoài chế độ công tác phí theo quy định):
 - a) Trưởng đoàn: Cấp tỉnh 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã 70.000 đồng/người/buổi;
 - b) Thành viên chính thức: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi;
 - c) Lực lượng phục vụ trực tiếp: Cấp tỉnh 60.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 40.000 đồng/người/buổi; cấp xã 30.000 đồng/người/buổi;
 - d) Lực lượng phục vụ gián tiếp: Cấp tỉnh 50.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 300.000 đồng/người/buổi.

3. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động (ngoài mức hỗ trợ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định):

a) Trưởng Ban, Phó trưởng Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó chủ tịch, Ủy viên thư ký Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/tháng; cấp huyện 150.000 đồng/người/tháng; cấp xã 100.000 đồng/người/tháng;

b) Các thành viên còn lại của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử; Trưởng, phó các Tiểu ban, các Ban bầu cử; thành viên Tổ giúp việc: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/tháng; cấp huyện 80.000 đồng/người/tháng; cấp xã 60.000 đồng/người/tháng;

c) Các thành viên còn lại của các Tiểu ban, các Ban bầu cử: Cấp tỉnh 70.000 đồng/người/tháng; cấp huyện 50.000 đồng/người/tháng; cấp xã 30.000 đồng/người/tháng;

d) Thời gian hưởng chế độ: Theo thực tế, tối đa không quá 4 tháng;

đ) Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

4. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Trưởng Ban, Phó trưởng Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thư ký Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 600.000 đồng/người/tháng; cấp huyện 400.000 đồng/người/tháng; cấp xã 250.000 đồng/người/tháng;

b) Thành viên Ban chỉ đạo, thành viên Ủy ban bầu cử; Tổ trưởng, Tổ phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; Trưởng Tiểu ban, Phó trưởng Tiểu ban Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó trưởng ban Bầu cử: Cấp tỉnh 500.000 đồng/người/tháng; cấp huyện 300.000 đồng/người/tháng; cấp xã 200.000 đồng/người/tháng;

c) Thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử, Tiểu ban bầu cử, Ban bầu cử: Cấp tỉnh 250.000 đồng/người/tháng; cấp huyện 200.000 đồng/người/tháng; cấp xã 150.000 đồng/người/tháng;

d) Thời gian hưởng chế độ: Theo thực tế, tối đa không quá 4 tháng;

đ) Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

5. Chi bồi dưỡng theo ngày cho người được huy động trực tiếp phục vụ công tác bầu cử theo quyết định của cấp có thẩm quyền (ngoài các đối tượng đã được quy định tại khoản 4):

a) Mức chi: 100.000 đồng/người/ngày; tổng mức bồi dưỡng tối đa 1.000.000 đồng/người/tháng;

b) Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát, phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, tham gia các cuộc họp, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử.

6. Chi bồi dưỡng 02 ngày (trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) cho tất cả các lực lượng được huy động, trung tập trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử: Mức chi 150.000 đồng/người/ngày.

7. Các khoản chi phát sinh theo thực tế không quy định mức chi tại văn bản này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh.
2. Ngân sách cấp tỉnh; Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố.
3. Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố.
4. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 4. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí bầu cử thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với khối lượng công việc đã thực hiện trước khi quy định này có hiệu lực, các cơ quan đơn vị căn cứ các quy định tại văn bản này và chứng từ chỉ tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. /

